TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2026/DSST
Ngày 29 – 5 – 2026
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1./ Ông Hoàng Viết Thống.

2./ Bà Nguyễn Thị Bạn.

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa**: Bà Vũ Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành Khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2026/QĐXX-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2026/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B P, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Trọng T, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Số A Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Số F đường N, tổ dân phố I, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1992 (Có mặt)

Nơi thường trú: Tổ dân phố H C, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Số F đường N, tổ dân phố I, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, ông Vũ Trọng T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, ông Nguyễn Hồng Q, vợ là bà Phạm Thị T1 nhiều lần vay tiền của bà Huỳnh Thị H để làm ăn với tổng số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), cụ thể:

Lần 1: Ngày 01/10/2017, ông Nguyễn Hồng Q vay của bà Huỳnh Thị H số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để làm ăn, hẹn đến khi bà Huỳnh Thị H cần tiền sẽ trả cho bà H với lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng.

Lần 2: Ngày 10/11/2017, ông Q, vợ là bà Phạm Thị T1 vay thêm của bà Huỳnh Thị H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để làm ăn, hẹn đến khi bà H cần sẽ trả lại cho bà H với lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng.

Tại mặt sau của Giấy vay tiền ngày 10/11/2017, có nội dung: "Ngày 22/12/2017, tổng còn nợ cô H 88.000.000đ T2 mươi tám triệu đồng". Đây là chữ viết của ông Q. Thể hiện nội dung ông Q có mượn bổ sung thêm nhiều lần với số tiền 88.000.000đ, và có viết vào nội dung phía sau của Giấy vay tiền ngày 10/11/2017. Đối với việc vay thêm thì bà H không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tuy nhiên sau đó ông Q, bà T1 mới trả được 02 tháng tiền lãi và không trả thêm cho bà H bất cứ khoản tiền nào bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Bà H đã nhiều lần liên hệ, gặp mặt trực tiếp yêu cầu ông Q, bà T1 trả tiền cho bà H nhưng ông Q, bà T1 luôn khất lần, lấy nhiều lý do như chưa có tiền trả, làm ăn thua lỗ và chây ì không chịu trả tiền cho bà H

Việc ông Q, bà T1 không chịu trả tiền vay gốc và lãi suất cho bà H như đã thỏa thuận nêu trên là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Vậy nay bà H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Hồng Q và bà Nguyễn Thị T3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền vay tổng cộng là 284.846.666 đồng. Trong đó: Tiền vay gốc là 140.000.000đ; Tiền lãi tạm tính đến ngày 29/5/2026 là 144.846.666 đồng. Tiền lãi được tính như sau:

- Lãi suất 1%/tháng đối với khoản vay 40.000.000 đồng từ ngày 01/10/2017 tạm tính đến ngày 29/5/2026 là 42.613.333 đồng

- Lãi suất 1%/tháng đối với khoản vay 100.000.000 đồng từ ngày 10/11/2017 tạm tính đến ngày 29/5/2026 là 105.233.333 đồng

Tổng cộng số tiền lãi là 147.846.666 đồng, khấu trừ 02 tháng tiền lãi là 3.000.000 đồng đã trả, tiền lãi còn lại là 144.846.666 đồng.

*** Bị đơn ông Nguyễn Hồng Q trình bày**:

Tôi có mối quan hệ quen biết bà Huỳnh Thị H.

Ngày 01/10/2017, tôi có vay của bà Huỳnh Thị H số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Tôi là người trực tiếp điền vào nội dung vay tại Giấy vay tiền ngày 01/10/2017. Hai bên thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi lãi suất vào giấy vay mà thỏa thuận miệng lãi suất là 3.000đ/1 triệu đồng/ngày. Hai bên không thỏa

thuận thời hạn trả, mà chỉ nói bằng miệng là khi nào có tiền thì mang lên trả cho bà H.

Ngày 10/11/2017, tôi có vay thêm của bà Huỳnh Thị H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Tôi là người trực tiếp điền vào nội dung vay tại Giấy vay tiền ngày 01/11/2017. Hai bên thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi lãi suất vào giấy vay mà thỏa thuận miệng lãi suất là là 3.000đ/1 triệu đồng/ngày. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả, mà chỉ nói bằng miệng là khi nào có tiền thì mang lên trả cho bà H.

Mục đích vay tiền: Do thời gian đã lâu nên tôi không nhớ rõ vay tiền để làm gì.

Còn mặt sau của Giấy vay tiền ngày 10/11/2017, có nội dung: "Ngày 22/12/2017, tổng còn nợ cô H 88.000.000đ T2 mươi tám triệu đồng". Sau khi vay của bà H 02 lần với tổng số tiền là 140.000.000 đồng. Đến ngày 22/12/2017, tôi đã được 52.000.000đ tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh, tôi còn nợ bà H số tiền 88.000.000đ tiền vay gốc nên tôi đã viết vào mặt sau của giấy vay tiền ngày 10/11/2017 nội dung như trên.

Quá trình trả nợ như sau:

Khoảng tháng 04/2018, vợ chồng tôi lên nhà bà H trả hết số tiền nợ gốc 88.000.000đ (T2 mươi tám triệu đồng) và tiền lãi phát sinh. Do thời gian đã lâu nên tôi không nhớ chính xác tiền lãi cụ thể đã trả cho bà H là bao nhiêu.

Do tin tưởng nên tôi không yêu cầu bà H viết giấy biên nhận tiền và cũng không lấy lại giấy vay gốc về. Nay bà H khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng tôi có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà H số tiền vay tổng cộng là 284.846.666 đồng. Trong đó: Tiền vay gốc là 140.000.000đ; Tiền lãi tạm tính đến ngày 29/5/2026 là 144.846.666 đồng. Tôi có ý kiến như sau:

Tôi đã trả hết nợ cho bà H nên không chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T1 trình bày:** Việc chồng tôi là ông Nguyễn Hồng Q vay tiền của bà Huỳnh Thị H như thế nào thì tôi không biết. Đầu năm 2018, bà Huỳnh Thị H có cho người xuống nhà tôi đòi nợ, tôi mới được biết chồng tôi (Nguyễn Hồng Q) có vay mượn tiền của bà H. Sau đó vào tháng 4 năm 2018, tôi và chồng tôi đã lên nhà bà H trả số tiền 88.000.000đ (T2 mươi tám triệu đồng) thanh toán dứt điểm hết nợ. Nhưng vì tin tưởng nên vợ chồng tôi không lấy lại giấy vay nợ.

Tôi không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Hồng Q trả nợ cho bà H vì ông Q vay tiền bà H tôi không biết, ông mượn tiền về mục đích để làm gì tôi cũng không biết. Hơn nữa, tôi và ông Q đã thanh toán hết nợ cho bà hiền từ tháng 4 năm 2018.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền lợi, nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2015/QH15;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H;

Buộc ông Nguyễn Hồng Q, bà Phạm Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền vay gốc là 88.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2]. Về nội dung:

Ngày 01/10/2017, ông Nguyễn Hồng Q vay của bà Huỳnh Thị H số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để làm ăn, hẹn đến khi bà Huỳnh Thị H cần tiền sẽ trả cho bà H với lãi suất được hai bên thỏa thuận.

Ngày 10/11/2017, ông Nguyễn Hồng Q vay thêm của bà Huỳnh Thị H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để làm ăn, hẹn đến khi bà Huỳnh Thị H cần tiền sẽ trả cho bà H với lãi suất được hai bên thỏa thuận.

Xét quan hệ pháp luật dân sự về vay tài sản giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều

463 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Do phía bà Huỳnh Thị H cho rằng ông Nguyễn Hồng Q đã không thực hiện việc trả nợ nên đã khởi kiện vụ án là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX cần xem, xét giải quyết.

[2.1]. Về tiền vay gốc:

Bị đơn ông Nguyễn Hồng Q xác nhận có mối quan hệ vay mượn với bà Huỳnh Thị H. Cụ thể: Ngày 01/10/2017, vay của bà Huỳnh Thị H số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Ngày 10/11/2017, ông Q có vay của bà Huỳnh Thị H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Ông Q là người trực tiếp điền vào nội dung vay tại Giấy vay tiền ngày 01/11/2017 và Giấy vay tiền ngày 01/10/2017. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả, mà chỉ nói bằng miệng là khi nào có tiền thì mang lên trả cho bà H.

Như vậy, ông Q vay của bà H 02 lần với tổng số tiền là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Mặt sau của Giấy vay tiền ngày 10/11/2017, ông Q có viết nội dung: "Ngày 11/12/2017, tổng còn nợ cô H 88.000.000đ (T2 mươi tám triệu đồng)". Như vậy, trong quá trình vay tiền của bà H, ông Q đã trả được một phần nợ cho bà H, còn nợ lại 88.000.000đ (T2 mươi tám triệu đồng). Bị đơn ông Nguyễn Hồng Q xác định đã trả hết nợ cho bà H nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc trả số tiền vay gốc là 88.000.000đ (T2 mươi tám triệu đồng) cho nguyên đơn.

[2.2]. Về tiền lãi:

Quá trình giải quyết vụ án, các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi rõ lãi suất là bao nhiêu. Nguyên đơn xác định hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 1%/tháng, còn bị đơn xác định hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 3.000đ/1triệu đồng/ngày. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, nguyên đơn xác định bị đơn đã trả được hai tháng tiền lãi với số tiền là 3.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc trả tiền lãi tổng cộng là 147.846.666 đồng, khấu trừ 02 tháng tiền lãi là 3.000.000 đồng đã trả, tiền lãi còn lại là 144.846.666 đồng. Như vậy, có việc tranh chấp về lãi suất nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trên dư nợ gốc còn lại 88.000.000đ từ ngày 22/12/2017 đến ngày xét xử ngày 29/5/2026 với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp.

Tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 22/12/2017 đến ngày 29/5/2026 là 3.081 ngày:

Tiền lãi = (88.000.000đ x 10% x 3.081 ngày): 365 ngày = 74.281.644 đồng.

[2.3]. Về trách nhiệm trả nợ:

Tại thời điểm vay tiền, chỉ có cá nhân ông Nguyễn Hồng Q ký vào Giấy vay tiền, bà Phạm Thị T1 (vợ ông Nguyễn Hồng Q) xác định không biết việc ông Q vay tiền của bà T1 và cũng không ký vào giấy vay nhưng bà T1 trình bày đã cùng chồng chịu trách nhiệm xoay tiền trả nợ. Trong giấy vay tiền xác định rõ mục đích vay tiền là do thiếu vốn làm ăn. Như vậy, có căn cứ xác định việc vay tiền là nhằm mục đích chung của gia đình.

Vì vậy, cần buộc vợ chồng ông Nguyễn Hồng Q, bà Phạm Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị H tổng số tiền 162.281.644đ (Một trăm sáu mươi hai triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó: Tiền vay gốc là 88.000.000đ (T2 mươi tám triệu đồng); Tiền lãi là 74.281.644đ (Bảy mươi bốn triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn ông Nguyễn Hồng Q, bà Phạm Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới chịu 8.114.082đ (Tám triệu một trăm mười bốn nghìn không trăm tám mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. (Theo mức: 172.281.644đ x 5%).

Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H được Tòa án chấp nhận một phần, nên Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận. Buộc bà Huỳnh Thị H phải chịu 6.128.251đ (Theo mức 122.565.022đ x 5%), được khấu trừ vào 6.998.000đ (Sáu triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001163, ngày 28/01/2026 (bà Đặng Anh T4 nộp) tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả cho Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H 869.749đ (T2 trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2015/QH15;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H:

Buộc ông Nguyễn Hồng Q, bà Phạm Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền vay tổng cộng là 162.281.644đ (Một trăm sáu mươi hai triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó: Tiền vay gốc là 88.000.000đ (T2 mươi tám triệu đồng); Tiền lãi là 74.281.644đ (Bảy mươi bốn triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Nguyễn Hồng Q, bà Phạm Thị T1 có trách nhiệm liên đới chịu 8.114.082đ (Tám triệu một trăm mười bốn nghìn không trăm tám mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm. (Theo mức: 172.281.644đ x 5%).

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận. Buộc bà Huỳnh Thị H phải chịu 6.128.251đ (Theo mức 122.565.022đ x 5%), được khấu trừ vào 6.998.000đ (Sáu triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001163, ngày 28/01/2026 (bà Đặng Anh T4 nộp) tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả cho Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H 869.749đ (T2 trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 - Đắk Lắk;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan